

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Khuru Bình Trí;**

Bà **Dương Thị Thúy Duy;**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Kha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn A, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án thụ lý số 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trương Bình M**, sinh năm: 1977.

Bị đơn: Bà **Lâm Thị B**, sinh năm: 1978.

Cùng cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông M có mặt, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 02/6/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo của ông Trương Bình M trình bày: Hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới vào năm 2002. Từ đó cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà B tự ý bỏ nhà đi. Nay tình cảm của ông đối với bà B không còn, hôn nhân không hạnh phúc, ông yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trương Văn Tg sinh ngày 29/01/2003; Hiện nay cháu T đang được ông nuôi dạy, khi ly hôn ông xin được tiếp tục nuôi con chung. Không yêu cầu bà B cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông M xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho bà Lâm Thị B theo quy định nhưng bà B vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của bà B làm việc nhưng vẫn không gặp bà B để ghi lời khai.

Chứng cứ thu thập được: Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/7/2017 được ông Lương Công T (trưởng ấp T, thị trấn L) cho biết: Hiện nay ông M và bà B ly thân đã lâu, thời gian cụ thể thì không nhớ rõ. Nguyên nhân là do ông M thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, gia đình thường hay cãi vã. Bà B bỏ nhà đi lên Bình Dương làm công nhân nhưng vẫn thường hay lui tới đi phươg và còn đăng ký hộ khẩu của ông M.

Biên bản xác minh ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Phú tại Công an thị trấn L xác định hiện nay bà B vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Tại Phiên tòa ông M bảo lưu ý kiến. Riêng bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX), xét xử vắng mặt bà B theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Về tình cảm: Do ông M và bà B không đăng ký kết hôn. Vì vậy, không công nhận ông B, bà M là vợ chồng theo Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu ông B được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trương Văn T sinh ngày 29/01/2003. Công nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông B.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Bình M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lâm Thị B. Đồng thời, bà B cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà B là do tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên có tổ chức đám cưới nhưng chưa có đăng ký kết hôn. Lẽ ra quan hệ hôn nhân giữa ông M, bà B được công nhận nhưng do ông M trình bày từ trước tới nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Việc trình bày của ông M phù hợp với giấy xác

nhận ngày 14/7/2017 của UBND thị trấn L, do đó không được xem là hôn nhân hợp pháp, mà nghĩ nên áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình tuyên: Không công nhận ông M, bà B là quan hệ vợ chồng.

[4] Về quan hệ con chung: Ông M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Văn T sinh ngày 29/01/2003. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với ông M, hơn nữa ý nguyện của cháu T cũng muốn tiếp tục sống với ông M. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của ông M theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông M tự nguyện không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung, xét sự tự nguyện này là phù hợp với pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

HĐXX cũng giải thích cho các đương sự biết: Ông M cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một bên hoặc cả hai bên.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông M xác định không có tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này bà B có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Ông M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân. Các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trương Bình M.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trương Bình M, bà Lâm Thị B là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông Trương Bình M được tiếp tục nuôi dạy con chung Trương Văn T sinh ngày 29/01/2003.

Ông M cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Trương Bình M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011102 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (ông M đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/8/2017) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với bà B được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc